

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2022/HNGĐ- ST

Ngày: 05/7/2022

V/v: *Tranh chấp Ly hôn và nuôi
con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trịnh Thị Khanh; bà Nguyễn Thị Tiếp

- Thư ký phiên tòa: ông Trịnh Minh Chũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 5 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp “ *Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐ XXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/QĐST-HNGĐ, ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L – Sinh năm: 1996

Trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Tuấn Tr – Sinh năm 1995

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Lê Tuấn Tr được tự do tìm hiểu yêu thương nhau, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. có đăng ký kết hôn ngày 19/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không có sự gắn kết, thường xảy ra cãi vã. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Quỳnh A – sinh ngày 24/10/2020, chị L đề nghị được nuôi con, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh Tr sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có; không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Bị đơn anh Lê Tuấn Tr trong bản tự khai 8/5/2022, trình bày: Anh và chị Bùi Thị L kết hôn với nhau ngày 19/12/2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên không thể sống với nhau được nữa, chị L đề nghị ly hôn anh nhất trí; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Quỳnh A– sinh ngày 24/10/2020, anh nhất trí giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh và chị L sẽ tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C: Chị Bùi Thị L và anh Lê Tuấn Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C và có 01 con chung là Lê Quỳnh A, anh Lê Tuấn Tr có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện C. Mâu thuẫn vợ chồng thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì anh chị không báo cáo chính quyền.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị L được ly hôn anh Tr. Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị L; Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: chị L phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Bùi Thị L, hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Lê Tuấn Tr có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị L và anh Lê Tuấn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị Bùi Thị L và anh Lê Tuấn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh Tr phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lê Quỳnh A- sinh ngày 24/10/2020. Chị L và anh Tr đều thống nhất giao cháu Quỳnh A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, để ổn định tâm lý và điều kiện học tập cho cháu, nên giao cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lê Tuấn Tr.

2. Về con chung: Giao chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 24/10/2020 đến đủ tuổi thành niên. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị L.

Anh Tr có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010321, ngày 20/4/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện C;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh

